**DANH SÁCH BÁO CÁO POSTER**

**HỘI NGHỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT LẦN 35**

| **TT** | **Mã số Poster** | **Tên đề tài** | **Họ và tên báo cáo viên** |
| --- | --- | --- | --- |
| **HÓA HỮU CƠ – HÓA DƯỢC (14 đề tài)** |
|  | HHC-HD-01 | Nghiên cứu tổng hợp palmitoyl pyrazinamid | Nguyễn Duy Phương |
|  | HHC-HD-02 | Tổng hợp 1-(2,6-dichlorophenyl)-1,3-dihydro-2H-indol-2-on (Tạp chất A) của Diclofenac natri để làm chất đối chiếu | Nguyễn Thị Thanh Trà |
|  | HHC-HD-03 | Tổng hợp và thử hoạt tính sinh học các dẫn xuất N-alkyl/aryl-2-arylbenzimidazol | Phan Tiểu Long |
|  | HHC-HD-04 | Tổng hợp và thử hoạt tính sinh học các dẫn chất *N-*imin của 4*(3H*)-Quinazolon | Dương Trung Kiên |
|  | HHC-HD-05 | Tổng hợp và khảo sát hoạt tính kháng nấm của một số base Schiff sulfamilamid | Nguyễn Đức Tài |
|  | HHC-HD-06 | Tổng hợp và khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của một số dẫn chất 1,3,4-oxadiazol | TS. Trần Ngọc Châu |
|  | HHC-HD-07 | Tổng hợp và đánh giá hoạt tính kháng khuẩn của các dẫn chất 2-aryl(heteroaryl)oxy-*N*-phenylacetamid | Phạm Ngọc Tuấn Anh |
|  | HHC-HD-08 | Tổng hợp và xác định độc tính của acefyllin | Võ Hồng Quyên Linh |
|  | HHC-HD-09 | Nghiên cứu và ứng dụng mô hình 3D - pharmacophore trên các chất ức chế allosteric của enzym rac - alpha serin / threonin protein kinase - AKT1 | Phan Nguyễn Thị Nhàn |
|  | HHC-HD-10 | Nghiên cứu sàng lọc các hợp chất có hoạt tính ức chế protein không cấu trúc 4B của virus dengue týp 2 bằng phương pháp *in silico* | Trần Huỳnh Ý Nhi |
|  | HHC-HD-11 | Tối ưu hóa quy trình tổng hợp carboxymethyl beta-cyclodextrin | Nguyễn Thị Minh Phương |
|  | HHC-HD-12 | Nghiên cứu khả năng gắn kết của amantadin, rimantadin với các cấu trúc protein M2 tự nhiên và đột biến của virus cúm A bằng phương pháp docking | Dương Văn Thọ |
|  | HHC-HD-13 | Xây dựng mô hình dự đoán hoạt tính ức chế new delhi mettalo-beta-lactamase-1 | Hà Thị Kiều Oanh |
|  | HHC-HD-14 | Sàng lọc các hợp chất tự nhiên có tiềm năng kháng virus Zika | TS. Nguyễn Thụy Việt Phương |
| **THỰC VẬT – DƯỢC LIỆU (19 đề tài)** |
|  | TV-DL-01 | Đặc điểm hình thái và vi học của năm loài Passiflora ở Việt Nam  | ThS. Liêu Hồ Mỹ Trang |
|  | TV-DL-02 | Phân lập một số hợp chất từ dược liệu Cỏ mực và Mật nhân trong bài thuốc có tác dụng cai rượu của ông Lê Văn Lâm | Huỳnh Thị Thanh Tâm |
|  | TV-DL-03 | Nghiên cứu thành phần hóa học theo hướng tác dụng chống oxy hóa cây Nho biển | Nguyễn Thu Ánh |
|  | TV-DL-04 | Phân lập flavonoid từ lá cây Sương sâm *Tiliacora triandra* diels | Phan Thị Vũ Kiều |
|  | TV-DL-05 | Nghiên cứu thành phần hoá học trong vỏ quả Dó bầu (*Aquilaria crassna* Pierre ex Lecomte Thymelaeaceae) | ThS. Lê Thị Hồng Vân |
|  | TV-DL-06 | Đánh giá hàm lượng polyphenol trong độ tuổi khác nhau của Lá Dó bầu (*Aquilaria crassna*) | ThS. Lê Thị Hồng Vân |
|  | TV-DL-07 | Phân lập và xác định cấu trúc hoá học của hoạt chất kháng vi sinh vật có trong cao chiết thân rễ và rễ ngải bún (Boesenbergia pandurata (Roxb.) Schltr Zingiberaceae | Phạm Bền Chí |
|  | TV-DL-08 | Nghiên cứu thành phần hóa học cao dicloromethan từ huyết giác (*Dracaena cambodiana* Pierre ex Ganep., Dracaenaceae) | Nguyễn Minh Luân |
|  | TV-DL-09 | Nghiên cứu thành phần hóa học hướng tác dụng ức chế alpha-glucosidase của lá Sa kê *Artocarpus altilis* (Parkinson) Fosberg, Moraceae | Nguyễn Thị Ánh Hồng |
|  | TV-DL-10 | Phân lập một số hợp chấttừ thân rễ cây ngải trắng *Curcuma Aromatica* salisb., Zingiberaceae trồng tại An Giang | Nguyễn Thị Tường Vy |
|  | TV-DL-11 | Khảo sát thành phần hóa học cây Bù dẻ | Nguyễn Hồng Đức |
|  | TV-DL-12 | Khảo sát thành phần hóa học cây Hồng quân | Phan Nhật Nam |
|  | TV-DL-13 | Khảo sát thành phần hóa học cây Dây gắm | Lê Như Ngọc |
|  | TV-DL-14 | Khảo sát hàm lượng resvertrol và moracin M trong dâu tằm theo mùa và theo vùng thu hái bằng UPLC | Phan Bảo Xuyên |
|  | TV-DL-15 | Phân lập và thiết lập chất chuẩn afzelin từ dược liệu | ThS. Võ Thanh Hóa |
|  | TV-DL-16 | Đặc điểm thực vật học 3 loài trong chi *Zephyranthes* Herb.Họ thủy tiên (Amaryllidaceae) ở Việt Nam | ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng |
|  | TV-DL-17 | Nghiên cứu sự hình thành rễ từ cuống lá cây Tam thất hoang (*Panax stipuleanatus* H. T. Tsai et K.M.Feng) *in vitro* và bước đầu định lượng saponin toàn phần trong rễ tạo thành | ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hương |
|  | TV-DL-18 | Nghiên cứu chiết xuất hợp chất alkaloid từ rễ Trinh Nữ Hoàng Cung *Crinum latifolium* L. Amaryllidaceae | ThS. Lê Ngọc Tú |
|  | TV-DL-19 | Đặc điểm thực vật học cây Đạt phước (*Millingtonia hortensis* L. f.) họ Chùm ớt(Bignoniaceae) trong Sách Đỏ Việt Nam | ThS. Dương Nguyên Xuân Lâm |
| **DƯỢC LÂM SÀNG (15 đề tài)** |
|  | DLS-01 | Các yếu tố tiên lượng nguy cơ tử vong và tái nhập viện trong sáu tháng sau xuất viện ở bệnh nhân hội chứng vành cấp | TS. Nguyễn Hương Thảo |
|  | DLS-02 | Khảo sát việc sử dụng kháng sinh điều trị nhiễm trùng *Staphylococcus aureus* đề kháng methicillin (MRSA) tại Bệnh viện Nhân Dân Gia Định | ThS. Trần Ngọc Thạch |
|  | DLS-03 | Các yếu tố liên quan đến sử dụng thuốc và biến cố sau xuất viện của bệnh nhân hội chứng vành cấp tại viện tim Tp. Hồ Chí Minh | ThS. Lê Thị Mai |
|  | DLS-04 | Tuân thủ dùng thuốc: Tầm quan trọng, phương pháp đánh giá và các biện pháp cải thiện | DS. Nguyễn Viết Ngọc |
|  | DLS-05 | Khảo sát việc sử dụng kháng sinh dự phòng trong phẫu thuật sạch, sạch - nhiễm tại Bệnh viện Đại học Y Dược Tp HCM giai đoạn 09/2016 – 05/2017 | Phạm Thị Kim Huệ |
|  | DLS-06 | Khảo sát tình hình sử dụng và hiệu quả điều trị viêm gan siêu vi C mạn của thuốc kháng virus trực tiếp tại Bệnh viện Đại học Y Dược Tp HCM | Lý Thị Kim Dung |
|  | DLS-07 | Khảo sát hiệu quả của thuốc erlotinib trong điều trị bước một ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn tiến xa có đột biến EGFR tại Bệnh viện quân y 175 | Đỗ Thị Thuỳ |
|  | DLS-08 | Đánh giá hiệu quả can thiệp của dược sĩ đối với cải thiện khả năng kiểm soát hen của bệnh nhân hen phế quản tại Bệnh viện Đại học y dược TP. Hồ chí minh | Phạm Xuân Khôi |
|  | DLS-09 | Đánh giá hiệu quả kiểm soát đau bằng phương pháp giảm đau dự phòng trên bệnh nhân phẫu thuật làm cứng cột sống Tại bệnh viện đa khoa Thống Nhất –Đồng Nai | Đỗ Thị Phương Dung |
|  | DLS-10 | Thẩm định độ tin cậy của bộ câu hỏi MiniAQLQ (mini asthma quality of life questionnaire) phiên bản tiếng Việt  | Trần Hoàng Tiên |
|  | DLS-11 | Khảo sát tình hình sử dụng Amiphargen tại bệnh viện Thống Nhất | Lê Thị Huyền |
|  | DLS-12 | Đánh giá vai trò của dược sĩ trong việc sử dụng thuốc điều trị rối loạn lipid huyết ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện Thống Nhất | TS.Bùi Thị Hương Quỳnh |
|  | DLS-13 | Khảo sát nhu cầu và xây dựng phần mềm quản lý kháng sinh bệnh viện | Trần Ngọc Thanh Ngân |
|  | DLS-14 | Khảo sát hiệu quả của misoprostol đặt dưới lưỡi trong chấm dứt thai ngưng tiến triển ≤ 12 tuần tại bệnh viện trường đại học Y Dược Huế | Trương Nguyễn Bích Ngọc |
|  | DLS-15 | Đánh giá hiệu quả của chương trình quản lý kháng sinh trong sử dụng kháng sinh dự phòng tại các khoa ngoại – bệnh viện Bình Dân | Bùi Hồng Ngọc |
| **HÓA PHÂN TÍCH-KIỂM NGHIỆM (16 đề tài)** |
|  | HPT-KN-01 | Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở viên nang mềm chứa nanocurcumin | Nguyễn Tường Vân |
|  | HPT-KN-02 | Đánh giá độ ổn định của 8-clorotheophyllin được tổng hợp từ theophyllin | PGS. Trần Thành Đạo |
|  | HPT-KN-03 | Khảo sát độ ổn định viên nén hai lớp chứa metoprolol 50 mg phóng thích kéo dài và amlodipin 5 mg phóng thích nhanh | Nguyễn Thị Linh Tuyền |
|  | HPT-KN-04 | Xây dựng qui trình định lượng một số chất bảo quản nhóm paraben trong chế phẩm kem bôi da bằng HPLC-PDA | Huỳnh Xuân Vinh |
|  | HPT-KN-05 | Xây dựng quy trình định lượng đồng thời fexofenadin và tạp A bằng phương pháp HPLC | Trần Thị Cẩm Vân |
|  | HPT-KN-06 | Định lượng hợp chất phenol trong rễ Tinh Nữ Hoàng Cung bằng phương pháp Folin Ciocalteu | ThS. Hồ Lê Trúc Linh |
|  | HPT-KN-07 | Xây dựng qui trình định lượng đồng thời các diterpen lacton trong cây Xuyên tâm liên *(Andrographis panniculata* (Burm f.) bằng phương pháp HPLC | Lê Nguyễn Trung Nguyên, Lữ Thị Kim Chi |
|  | HPT-KN-08 | Xây dựng qui trình định lượng đồng thời piracetam và cinnarizin trong chế phẩm bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao | Lâm Hoàng Lê Vân |
|  | HPT-KN-09 | Xây dựng qui trình định lượng đồng thời paracetamol, dextromethorphan hydrobromid, loratadin, phenylephrin bitartrat trong viên sủi bọt bằng phương pháp HPLC đều dò PDA | Nguyễn Thị Như Ngọc |
|  | HPT-KN-10 | Xây dựng quy trình định lượng palmitoyl payrazinamid bằng phương pháp HPLC và ứng dụng để xác định hệ số phân bố LogP của palmitoyl payrazinamid | Nguyễn Duy Phương |
|  | HPT-KN-11 | Tổng hợp polymer đóng dấu phân tử cafein - định hướng ứng dụng làm pha tĩnh trong kỹ thuật chiết pha rắn | TS. Phan Văn Hồ Nam |
|  | HPT-KN-12 | Khảo sát một số yếu tố tổng hợp polymer đóng dấu phân tử salbutamol - định hướng ứng dụng làm pha tĩnh trong kỹ thuật chiết tách pha rắn tách salbutamol có tính chọn lọc cao | TS. Phan Văn Hồ Nam |
|  | HPT-KN-13 | Sàng lọc và xây dựng quy trình định lượng polyphenol của một số dược liệu hướng tác dụng chống oxy hoá  | Huỳnh Như Thúy |
|  | HPT-KN-14 | Xây dựng quy trình định lượng đồng thời calophyllolid và curcumin I trong dầu Mù U – Nghệ bằng phương pháp HPLC | Nguyễn Hoàng Thảo My |
|  | HPT-KN-15 | Xây dựng quy trình định lượng sắc tố đỏ (carthamin) trong Hồng Hoa bằng phương pháp quang phổ tử ngoại – khả kiến  | Lưu Lệ Khanh |
|  | HPT-KN-16 | Xác định tổng hàm lượng flavonolignan tính theo silybin trong dược liệu và chế phẩm từ cây Cúc gai *(Sylybum marianum* (L.) Gaertn) bằng phương pháp quang phổ UV-Vis | Thái Nguyễn Khánh Hằng |
| **BÀO CHẾ - CÔNG NGHIỆP DƯỢC - QUẢN LÝ DƯỢC (17 đề tài)** |
|  | BC-CND-QLD-01 | Nghiên cứu điều chế vi hạt chứa itraconazole có độ hòa tan cao | Giang Cẩm Cường |
|  | BC-CND-QLD-02 | Nghiên cứu điều chế và hóa rắn hệ vi tự nhũ chứa exemestane | Lê Thị Thanh Nga |
|  | BC-CND-QLD-03 | Nghiên cứu bào chế viên nén hai lớp phóng thích kéo dài chứa felodipin 5 mg và metroprolol 50 mg | Trình Thị Phương Lan |
|  | BC-CND-QLD-04 | Đánh giá công thức dung dịch tạo bọt phụ khoa từ Tô Mộc (*Caesalpinia sappan)* | Bùi Thị Ánh Mai |
|  | BC-CND-QLD-05 | Nghiên cứu điều chế hệ vi tự nhũ chứa cefpodoxim proxetil | Phạm Thị Tuyết |
|  | BC-CND-QLD-06 | Tự đánh giá chương trình đào tạo dược sĩ đại học hệ chính quy của Khoa Dược – Đại học Y Dược TPHCM theo tiêu chuẩn mới của AUN | Hoàng Thị Hương |
|  | BC-CND-QLD-07 | Ứng dụng và đánh giá quy trình phân tích việc sử dụng thuốc theo liều xác định trong ngày (DDD) tại bệnh viện quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh | Đào Duy Kim Ngà |
|  | BC-CND-QLD-08 | Khảo sát hoạt động dán nhãn phụ của các sản phẩm nhập khẩu tại công ty cổ phần dược liệu Trung Ương 2 | Đào Đức Tài |
|  | BC-CND-QLD-09 | Khảo sát chi phí thanh toán bảo hiểm y tế nội trú tại bệnh viện 30.4 - Bộ Công an năm 2016 | Phó Nghĩa Văn |
|  | BC-CND-QLD-10 | Đánh giá thế mạnh cạnh tranh các thương hiệu chuỗi nhà thuốc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | Đinh Hoàng Yến |
|  | BC-CND-QLD-11 | Phân tích môi trường kinh doanh cho thương hiệu Các chuỗi nhà thuốc tại thành phố Hồ Chí Minh | Nguyễn Thị Nhung |
|  | BC-CND-QLD-12 | Tổng quan các yếu tố tác động đến tuân thủ điều trị bệnh lao | Trần Thị Ngọc Vân |
|  | BC-CND-QLD-13 | Đặc điểm danh mục kháng sinh sử dụng tại bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán giai đoạn 10/2016 – 09/2017 | Trần Văn Hiển |
|  | BC-CND-QLD-14 | Khảo sát kỹ năng bán thuốc trị cảm cúm của nhân viên bán lẻ tại một số nhà thuốc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh | Phan Thị Thanh Nhàn |
|  | BC-CND-QLD-15 | Khảo sát thực trạng vườn thuốc nam mẫu của các trạm y tế phường tại thành phố Thủ Dầu Một - Bình Dương | Cù Thanh Tuyền |
|  | BC-CND-QLD-16 | Khảo sát thực trạng sử dụng kháng sinh tiêm trong điều trị nội trú tại bệnh viện đa khoa Bưu Điện giai đoạn 01/2016 – 06/2017 | Trần Nhật Trường |
|  | BC-CND-QLD-17 | Đặc điểm mô hình bệnh tật tại bệnh viện nguyễn đình chiểu - bến tre giai đoạn 2011 - 2017 | Nguyễn Thanh Thuỷ |
| **DƯỢC LÝ – VI SINH – KY SINH – SINH HÓA (16 đề tài)** |
|  | DL-VSKS-SH-01 | Nghiên cứu sàng lọc hoạt tính ức chế enzym acetylcholinesterase *in vitro* của một số dược liệu | Đỗ Thị Quỳnh Quyên |
|  | DL-VSKS-SH-02 | Khảo sát tác dụng ức chế alpha-glucosidase của cây dâu tằm theo mùa và theo vùng thu hái bằng UPLC | Nguyễn Thu Uyển |
|  | DL-VSKS-SH-03 | Sàng lọc tác dụng ức chế tyrosinase của cây Dâu tằm theo vùng thu hái | Nguyễn Thị Thùy Trang |
|  | DL-VSKS-SH-04 | Mô phỏng mô hình gây sỏi thận bằng natri glyoxylat trên chuột và khảo sát tác động của kim tiền thảo | Trần Thị Thiên Thanh |
|  | DL-VSKS-SH-05 | Xây dựng qui trình đánh giá hoạt tính enzym 5α-reductase từ mô tuyến tiền liệt người | Trần Thủy Tiên |
|  | DL-VSKS-SH-06 | Nghiên cứu điều kiện nuôi cấy thu nhận bào tử *Bacillus subtilis* KP3 | TS. Vũ Thanh Thảo |
|  | DL-VSKS-SH-07 | Khảo sát hoạt tính kháng vi sinh vật và độc tế bào của riềng nếp *Alpinia galanga* (L.) Swartz họ Zingiberaceae | Võ Đăng Khoa |
|  | DL-VSKS-SH-08 | Khảo sát hoạt tính chống oxy hoá và ức chế enzym alpha glucosidase của riềng nếp - *Alpinia galanga* (L.) Swartz họ Zingiberaceae | Võ Đăng Khoa |
|  | DL-VSKS-SH-09 | Sàng lọc hoạt tính kháng vi sinh vật và chống oxy hoá của một số cây họ Asteraceae | Hoàng Trần Việt Hà |
|  | DL-VSKS-SH-10 | Khảo sát tác động kháng khuẩn của hỗn hợp tinh dầu tràm trà úc và hương nhu trắng trên các vi khuẩn gây nhiễm trùng ống tủy răng | ThS.Lê Tuấn Anh |
|  | DL-VSKS-SH-11 | Xác định tỷ lệ albumin/creatinin niệu và protein/creatinin niệu để đánh giá chức năng thận | TS. Nguyễn Thị Minh Thuận |
|  | DL-VSKS-SH-12 | Mô phỏng mô hình thử tác động ức chế HMG-CoA reductase từ nguồn enzym ở gan chuột nhắt | Trương Đình Phước |
|  | DL-VSKS-SH-13 | Thử nghiệm sưng phù tai chuột nhắt (MEST) do đáp ứng quá mẫn với kali dicromat bôi ngoài da | Võ Lê Tường Vy |
|  | DL-VSKS-SH-14 | Khảo sát tác dụng hạ đường huyết và độc tính cấp của cao chiết cồn từ quả vả *(Ficus auriculata* L., Moraceae) | Đỗ Thanh Hảo |
|  | DL-VSKS-SH-15 | Khảo sát tác dụng bảo vệ gan của lá chùm ngây *(moringa oleifera* Lam) phòng ngừa tổn thương do rượu gây ra trên dòng tế bào HepG2 | PGS. Đỗ Thị Hồng Tươi |
|  | DL-VSKS-SH-16 | Sàng lọc tác động ức chế HMG-CoA reductase *in vitro* của một số dẫn chất quercetin và chalcon | Phan Nhị Hà Linh |